**Tiết 47 TIẾNG CƯỜI CÓ LỢI ÍCH GÌ?**

**(Theo O-ri-sơn Xơ-goét Ma-đơn (Orison Swett Marden)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**2. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương con người, yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Tiếng cười có xuất hiện nhiều trong cuộc sống hay không? Theo em, tiếng cười giúp ích gì cho đời sống con người.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học Tiếng cười có lợi ích gì?

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:*  *+ Văn bản Tiếng cười có lợi ích gì thuộc thể loại nào?*  *+ Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.*  *+ Phân tích bố cục của Tiếng cười có lợi ích gì?*  *+ Tóm tắt văn bản Tiếng cười có lợi ích gì?*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Văn bản Tiếng cười có lợi ích gì? Là văn bản nghị luận.  **-** Văn bản Tiếng cười có lợi ích gì? có phương thức biểu đạt là nghị luận.  - Bố cục:  Gồm 3 phần:  + Phần 1: Từ đầu đến “hài hòa hơn” – Vai trò của tiếng cười đối với sức khỏe của mỗi người.  + Phần 2: Tiếp đến “vui vẻ nhất” – Dẫn chứng về lợi ích của tiếng cười trong cuộc sống.  + Phần 3: Còn lại – Tiếng cười trong các nhận định văn học.  - Tóm tắt:    Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trọng với cấu trúc cơ thể của chúng ta. Nó là một yếu tố làm cơ thể thêm khoẻ mạnh, mang lại cho con người niềm vui. Về mặt y học, nụ cười kích thích máu trong cơ thể lưu thông tốt, cũng làm tăng tốc độ hô hấp, giúp toàn thân nóng lên, căng tràn sức sống. Bên cạnh đó, tiếng cười còn là cách thức hiệu quả mang đến một tỉnh thần hạnh phúc. Một nụ cười tươi dễ dàng tạo cảm giác và không khí thân thiện giữa mọi người, kéo những điều tốt đẹp, tươi sáng đến gần ta hơn. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định và phân tích được cốt truyện.

- Xác định được bối cảnh của văn bản.

- Xác định và phân tích được ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Nhận diện và xác định được nhân vật trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Xác định luận đề của văn bản.*  *+ Trình bày luận điểm và các lí lẽ dẫn chứng của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Xác định những bằng chứng khách quan của văn bản.*  *+ Xác định các ý kiến chủ quan của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+Rút ra đặc sắc nội dung và nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản trên.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng***  - Luận đề: Vai trò của tiếng cười đối với cuộc sống con người.  - Luận điểm 1: Tiếng cười có nhiệm vụ quan trọng đối với cấu trúc cơ thể.  + Là một yếu tố làm cơ thể thêm khỏe mạnh, mang lại niềm vui cho con người.  + Cười nhiều cũng làm tăng tốc độ hô hấp, giúp toàn thân nóng lên, căng tràn sức sống.  + Khi cười, cơ thể được khôi phục về trạng thái sung sức, cân bằng giúp cấu trúc cơ thể vững chắc và hài hòa hơn.  - Luận điểm 2: Dẫn chứng tiêu biểu về lợi ích của tiếng cười trong cuộc sống.  + Ở phía Tây Niu Oóc (New York), có một vị bác sĩ tên là Bơ-đích (Burdick), ông được gọi là “bác sĩ cười” vì luôn luôn xuất hiện trước mọi người với nụ cười vui vẻ nhất, và sự hài hước của ông nhanh chóng lan truyền ra khắp xung quanh. Ông chữa bệnh cho nhiều người chỉ bằng rất ít thuốc.  + Tờ Len-sit (Lancet) của Luân Đôn (London) — một tạp chí y khoa nổi tiếng thế giới – đã đưa ra nhận định thế này về giá trị của thái độ vui vẻ, lạc quan: “Một tinh thần tốt là yếu tố quan trọng đối với sức khoẻ của những người bệnh, người ốm yếu. Nó quyết định việc liệu một người bệnh có còn cứu được hay không, và một người yếu ớt có thể sống một đời lành mạnh, không bệnh hay không”  + …  - Luận điểm 3: Tiếng cười trong các nhận định văn học.  + Nhà thơ Đơ-rai-đơn (Dryden) nói rằng: “Tiếng cười, dù ở mức độ nào, luôn là một điều tốt. Và nếu một thứ có thể gây cười cho mọi người, thì nó là một công cụ tạo ra hạnh phúc  + Ngài Goan-tơ Xơ-cót (Walter Scott)' nói: “Hãy cho tôi một tiếng cười chân thành”, ông luôn dành những câu nói tử tế và nụ cười chân thành cho tất cả mọi người, và chính điều đó làm ông trở thành một trong những người đàn ông hạnh phúc nhất thế giới.  + …  ***2. Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.***  - Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết là:  *+ Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trọng với cấu trúc cơ thể của chúng ta. Nó là một yếu tố làm cơ thể thêm khoẻ mạnh, mang lại cho con người niềm vui. Tiếng cười bắt đầu từ phổi và cơ hoành, tạo ra rung động ở khắp các cơ quan nội tạng, giúp thân thể vận động dễ chịu.*  *+ …*  - Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết là:  *+ Thật vậy, một thầy thuốc vui vẻ, tự họ còn giúp ích nhiều hơn những viên thuốc họ kê cho bệnh nhân.*  *+ …*  **III. Tổng kết**  ***1. Nghệ thuật***    - Tác giả sử dụng biện pháp liệt kê, so sánh nhằm tăng sức hấp dẫn và thuyết phục cho văn bản.  ***2. Nội dung***  Văn bản đề cập đến những lợi ích của tiếng cười:làm cơ thể khỏe mạnh, mang cho con người nhiều niềm vui, giúp thân thể vận động dễ chịu… nhằm lan tỏa nụ cười của mọi người trong cuộc sống, cùng nhau tạo ra những niềm vui và sự hài hước. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi: Nêu cảm nhận của em sau khi đọc văn bản Tiếng cười có lợi ích gì?*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Sưu tầm một số câu truyện cười có cùng nội dung với 2 câu truyện trên.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**E. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

**- Bài vừa học:**

+ Ôn tập, nắm được các nội dung của bài vừa học.

* **Bài sắp học** : chuẩn bị bài Thực hành Tiếng Việt.